

GIẢI PHÁP HOÀN THIÊN HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HIỆN NAY

HUỲNH ĐỨC HIỀN*

Chính sách xã hội là hệ thống quan điểm, chủ trương, biện pháp, phương hướng của Nhà nước được thể hiện bằng các quy định của pháp luật nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn của xã hội. Hệ thống chính sách xã hội tập trung vào hai vấn đề lớn, đó là chính sách đối với người có công và các trụ cột cơ bản của hệ thống chính sách an sinh xã hội. Mục tiêu của hệ thống chính sách xã hội là bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm sự hài lòng, hạnh phúc cho người dân. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xã hội. Bài viết đánh giá kết quả thực hiện hệ thống chính sách xã hội. Qua đó chỉ ra những hạn chế và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện hệ thống chính sách xã hội của nước ta trong tình hình mới.

Từ khóa: Hệ thống chính sách xã hội; an sinh xã hội; ưu đãi người có công; giải pháp; hoàn thiện.

Social policy is a system of views, lines, measures and directions of the State expressed in the provisions of law in order to solve practical problems of society. The social policy system focuses on two major issues which are policies for people with meritorious services and the basic pillars of the social protection policy system. The goal of the social policy system is to ensure social welfare, improve the people's lives, and ensure the satisfaction and happiness of the people, at the same time, creating favorable conditions for economic development, political and social stability. The article evaluates the results of the performance of the social policy system, thereby pointing out the limitations and proposing some solutions to improve the country's social policy system in the new situation.

Keywords: Social policy system; social welfare; policies for meritorious people; solutions; improvement.

NGÀY NHẬN: 19/7/2023 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 19/8/2023 NGÀY DUYỆT: 18/9/2023

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.332.2023.622>

1. Đặt vấn đề

Chính sách xã hội thể hiện ở các chủ trương, đường lối, quan điểm, biện pháp... được thể chế bằng pháp luật của Nhà nước nhằm giải quyết các vấn đề từ thực tiễn cuộc sống, nâng cao đời sống của Nhân dân, góp phần tăng trưởng kinh tế, ổn định chính trị, xã hội. Trong các kỳ đại hội, Đảng từng bước

bổ sung và hoàn thiện quan điểm, đường lối về chính sách xã hội. Đặc biệt, Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Hội nghị Trung ương 5 (khóa XI) về Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020, tập

** ThS, Trường Chính trị Tôn Đức Thắng, tỉnh Đồng Tháp*

trung vào giải quyết hai nhóm chính sách cơ bản, quan trọng trong hệ thống các chính sách xã hội là:

(1) *Chính sách ưu đãi người có công* tập trung vào các vấn đề, như: thực hiện tốt *Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng*; tiếp tục hoàn thiện chính sách đối với người có công; nâng mức chuẩn trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công phù hợp với lộ trình điều chỉnh mức lương tối thiểu; có chính sách ưu đãi, hỗ trợ phù hợp đối với người có công và thân nhân về phát triển sản xuất, việc làm, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nhất là y tế, giáo dục, đào tạo; đẩy mạnh việc tu bổ nghĩa trang, tìm kiếm và quy tập hài cốt liệt sĩ, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa.

(2) *Chính sách an sinh xã hội* tập trung giải quyết các vấn đề về việc làm, thu nhập và giảm nghèo; bảo hiểm xã hội; trợ giúp xã hội những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; bảo đảm mức tối thiểu về một số dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn và đồng bào dân tộc thiểu số.

Các quan điểm này trở thành cơ sở cho việc thể chế hóa thành cơ chế, chính sách về an sinh xã hội và chính sách ưu đãi người có công gắn với thực tiễn trong những năm qua. Mặc dù các chính sách về an sinh xã hội và chính sách về người có công đạt được nhiều kết quả song vẫn còn nhiều hạn chế. Vì vậy, cần có các giải pháp để hoàn thiện trong tình hình mới.

2. Những kết quả thực hiện hệ thống chính sách xã hội

Các chủ trương của Đảng đã được thể chế hóa thành *Hiến pháp*, pháp luật, chính sách, cơ chế cụ thể và triển khai thực hiện trong thực tiễn. Những kết quả thực hiện hệ thống chính sách xã hội:

Thứ nhất, kết quả thực hiện chính sách người có công.

Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và các văn bản hướng dẫn được ban hành kịp thời để thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về ưu đãi người

có công với cách mạng qua các thời kỳ, đặc biệt là Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng; Nâng cao đời sống vật chất của người có công phù hợp với điều kiện, tình hình mới, Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2023/NĐ-CP ngày 21/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng. Theo đó, mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng tăng từ 1.624.000 đồng lên 2.055.000 đồng, được thực hiện kể từ ngày 01/7/2023.

Thực hiện công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho người có công với cách mạng; đẩy mạnh các phong trào “đền ơn đáp nghĩa”, huy động nguồn lực của xã hội để chăm sóc người có công, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe cho người có công¹. Có 99% hộ gia đình người có công với cách mạng có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống của người dân nơi cư trú; Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cả nước vận động được trên 390 tỷ đồng, hỗ trợ xây mới trên 4.000 nhà tình nghĩa, sửa chữa trên 3.000 nhà tình nghĩa với tổng kinh phí trên 280 tỷ đồng; tặng trên 8.000 sổ tiết kiệm với kinh phí trên 17 tỷ đồng; có 3.388 mẹ Việt Nam anh hùng được chăm sóc phụng dưỡng². Cả nước có 65 cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và bố trí nhân sự đủ để đáp ứng cơ bản yêu cầu chăm sóc, điều dưỡng người có công, nhất là thương binh nặng. Hiện có hơn 1.000 người có công được nuôi dưỡng tại các cơ sở³.

Thứ hai, kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội.

An sinh xã hội là một trụ cột cơ bản của hệ thống chính sách xã hội, góp phần quan trọng vào sự phát triển của quốc gia, ổn định xã hội. Vì vậy, an sinh xã hội là sự hội tụ của tính kinh tế, vừa mang ý nghĩa xã hội và nhân văn sâu sắc. Việc xây dựng và hoàn thiện hệ

thống an sinh xã hội được Đảng và Nhà nước xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, là chủ trương, chính sách lớn, có ý nghĩa quan trọng đối với sự ổn định chính trị và phát triển bền vững của đất nước.

Hệ thống luật pháp, chính sách đã được sửa đổi, bổ sung hoàn thiện tạo hành lang pháp lý và môi trường thuận lợi để thực hiện chính sách an sinh xã hội. Từ năm 2012 đến nay, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành 4 nghị quyết, Bộ Chính trị ban hành 1 nghị quyết, 1 kết luận, 2 chỉ thị; Ban Bí thư ban hành 1 kết luận, 4 chỉ thị; Chủ tịch nước ban hành 8 chỉ thị; Quốc hội ban hành 13 luật và bộ luật, 3 pháp lệnh, 9 nghị quyết...; Chính phủ ban hành 18 nghị quyết và 112 nghị định, Thủ tướng Chính phủ ban hành 7 chỉ thị và 220 quyết định; các bộ, ngành đã ban hành hàng trăm thông tư, quyết định, văn bản... chỉ đạo thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và an sinh xã hội⁴. Trong đó, đáng chú ý là Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, Quyết định số 488/QĐ-TTg ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”, Bộ luật Lao động sửa đổi năm 2013 và 2019, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, Luật Bảo hiểm y tế năm 2014 đã đưa hệ thống an sinh xã hội đến gần với các nguyên tắc và ý tưởng của Nghị quyết số 15-NQ/TU, góp phần xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách trở thành hệ thống gắn kết, hỗ trợ lẫn nhau tạo hành lang pháp lý và môi trường thuận lợi cho quản lý và phát triển xã hội hướng tới mục tiêu tiến bộ và công bằng...

Chính sách bảo đảm mức tối thiểu tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu cơ bản, cụ thể:

(1) Về bảo hiểm xã hội: số người tham gia bảo hiểm xã hội là 17,5 triệu người, chiếm 38,08% lực lượng lao động trong độ tuổi, tăng 953 nghìn người so năm 2021. Đặc biệt, số

người tham gia bảo hiểm y tế là 91,074 triệu người, vượt chỉ tiêu đặt ra là 92% khi đạt tỷ lệ 92,04% dân số⁵; giải quyết cho 95.662 hồ sơ hưởng lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng; 1.113.164 người hưởng trợ cấp 1 lần (trong đó 895.598 người nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội một lần); giải quyết 10.920.098 lượt người hưởng chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe...⁶.

(2) Lao động và việc làm: giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc sống người lao động. Năm 2022, số lao động có việc làm từ 15 tuổi trở lên là 50,6 triệu người, tăng 1,5 triệu người so với năm 2021, đưa 142.779 lao động đi làm việc ở nước ngoài (trong đó 48.835 lao động nữ), vượt mục tiêu đề ra, tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để thực hiện pháp luật về lao động, tiền lương, trong đó tập trung sửa đổi Luật Bảo hiểm xã hội⁷.

(3) Về giáo dục nghề nghiệp: thực hiện tuyển sinh trên 2.259 nghìn người, đạt 108,3% so với kế hoạch; số học sinh, sinh viên tốt nghiệp khoảng 2.096 nghìn người, đạt 115% so với kế hoạch⁸.

(4) Trợ giúp xã hội và giảm nghèo: nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, tiếp tục mở rộng đối tượng thụ hưởng và nâng dần mức trợ cấp cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Chi trả trợ cấp thường xuyên hằng tháng cho trên 3,3 triệu đối tượng bảo trợ xã hội với kinh phí khoảng 28 nghìn tỷ đồng...⁹; cả nước có gần 1,9 triệu người cao tuổi hưởng trợ cấp xã hội, khoảng 10.000 người cao tuổi đang được chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội; 95% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, hơn 1 triệu người cao tuổi được chúc thọ, mừng thọ hàng năm. Cấp giấy chứng nhận khuyết tật cho gần 3 triệu người, thực hiện trợ cấp xã hội và cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho trên 1,5 triệu người khuyết tật¹⁰.

(5) Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em được đẩy mạnh; bình đẳng giới tiếp tục nhận được sự quan tâm. Chỉ số xếp hạng về bình đẳng giới của Việt Nam năm 2022 là 83/146 quốc gia, tăng 4 bậc so với năm 2021... Ngoài

ra, các lĩnh vực khác đều được quan tâm chỉ đạo thực hiện, đạt kết quả tốt¹¹.

Nhìn chung, hệ thống chính sách xã hội ngày càng được bổ sung và hoàn thiện. Diện thụ hưởng chính sách ngày càng mở rộng, mức hỗ trợ được nâng lên. Một số lĩnh vực đã đạt được những thành tựu quan trọng, nhất là giảm nghèo, tạo công ăn việc làm, ưu đãi người có công, y tế, trợ giúp người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn,... Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được cải thiện, góp phần củng cố lòng tin của Nhân dân và sự ổn định chính trị - xã hội. Bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước ta đã kịp thời ban hành các chủ trương, chiến lược phù hợp, từng bước đáp ứng các nhu cầu cơ bản, như: chính sách ưu đãi đối với người có công, trợ cấp xã hội, hỗ trợ việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ giúp xã hội và các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin...), trở thành chỗ dựa vững chắc cho người nghèo và đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội.

3. Những hạn chế của hệ thống chính sách xã hội

Bên cạnh các kết quả đạt được, công tác thực hiện chính sách xã hội ở nước ta còn một số hạn chế, như:

Một là, chính sách xã hội chưa bao phủ hết đối tượng. Ví dụ: Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/QĐ-TTg ngày 09/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện gói hỗ trợ gần 62 nghìn tỷ đồng nhằm hỗ trợ cho các lao động bị mất việc, suy giảm thu nhập và các doanh nghiệp chịu tác động của đại dịch Covid-19 thì chỉ có bốn nhóm đối tượng nhận được hỗ trợ là: người có công, bảo trợ xã hội, hộ nghèo và cận nghèo trong danh sách. Sự hỗ trợ không đến tay nhiều đối tượng thực sự gặp khó khăn như lao động tự do, lao động bị mất việc trong khu vực phi chính thức, các doanh nghiệp gặp khó khăn do phải ngừng sản xuất và nhiều đối tượng khác bị tác động nhưng không được hỗ trợ); tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp còn thấp, trợ cấp xã hội mới

chỉ đến được một bộ phận đối tượng yếu thế; số lượng người lao động rút sổ bảo hiểm một lần gia tăng cho thấy niềm tin của xã hội vào hệ thống này còn hạn chế.

Sự chênh lệch các chỉ số an sinh xã hội giữa miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số với mức trung bình của cả nước còn lớn; mức trợ cấp xã hội cho người nghèo còn thấp. Kết quả giảm nghèo chưa đồng đều, chưa bền vững, tỷ lệ tái nghèo còn cao, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Các chính sách tuy được ban hành nhiều, song thiếu đồng bộ và chưa đến tay đối tượng cần hỗ trợ khi triển khai trên thực tế, trong khi đó, công tác hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về an sinh xã hội chưa được quan tâm ở các cấp. Bước sang giai đoạn phát triển kinh tế thị trường, an sinh xã hội theo mô hình bao cấp không còn phù hợp, đòi hỏi huy động các nguồn lực trong xã hội, với sự tham gia của những chủ thể ngoài nhà nước cũng như nhận thức đầy đủ hơn về sự vận hành bền vững của hệ thống an sinh trong dài hạn.

Hai là, việc thực hiện chính sách người có công còn một số bất cập, như: hồ sơ, thủ tục xét và công nhận người có công còn rườm rà, phức tạp, dẫn đến tổn động hồ sơ. Mức trợ cấp ưu đãi người có công còn thấp, chưa cải thiện được đáng kể đời sống của một bộ phận người có công.

Ba là, chất lượng dịch vụ xã hội còn hạn chế, nhất là trong lĩnh vực y tế, giáo dục. Tình trạng người dân tham gia bảo hiểm y tế nhưng vẫn phải trả các chi phí phát sinh về thuốc, phí điều trị; chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe chưa đáp ứng được yêu cầu của Nhân dân (bệnh viện còn thiếu thuốc, trang thiết bị y tế còn chưa đủ hoặc đang còn lạc hậu).

Bốn là, hiện nay, học sinh trong độ tuổi phổ cập ở các thành phố lớn vẫn phải cạnh tranh gay gắt, thậm chí bốc thăm để dành được suất vào trường mầm non công lập, còn tình trạng thiếu các trường học trung học phổ thông.

4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống chính sách xã hội

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hệ thống chính sách xã hội; tập trung phát triển hệ thống chính sách xã hội toàn diện và bền vững; chú trọng triển khai hệ thống giáo dục - đào tạo và phát triển thị trường lao động.

Thứ hai, phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đáp ứng yêu cầu và khả năng tiếp cận của người dân, nhất là đối tượng yếu thế, người dân tộc thiểu số; tăng cường nguồn lực thực hiện chính sách xã hội, gắn trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương trong việc huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực thực hiện các chính sách xã hội.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt chính sách ưu đãi đối với người có công, giảm tải thủ tục hành chính rườm rà tránh tổn động hồ sơ khi xét duyệt cho đối tượng bảo trợ xã hội.

Thứ tư, xây dựng hệ thống chính sách xã hội linh hoạt, bền vững, bao trùm và toàn diện nhằm đáp ứng các nhu cầu an sinh xã hội và dịch vụ xã hội để không để ai bị bỏ lại, xây dựng xã hội công bằng, nhân ái, tương trợ lẫn nhau. Đồng thời, khi triển khai, xây dựng chính sách xã hội phải bảo đảm sự hài hòa, đồng bộ với phát triển kinh tế. Điều đó sẽ giúp phòng ngừa, giải quyết, ứng phó kịp thời với biến động của thực tiễn như biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh...

Thứ năm, cần xây dựng chính sách để quản lý phát triển bảo hiểm xã hội theo mô hình bảo hiểm xã hội đa tầng, linh hoạt, hội nhập quốc tế để bảo hiểm xã hội trở thành trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, cần có quyết sách để duy trì và bảo đảm an sinh xã hội nhằm hỗ trợ người lao động mất việc làm, ứng phó với những khó khăn, rủi ro đột ngột. Điều đó sẽ góp phần giảm tải gánh nặng cho các quỹ an sinh xã hội như Quỹ bảo hiểm xã hội, Quỹ

bảo hiểm y tế. Qua đó, góp phần giúp hệ thống an sinh xã hội bền vững.

Thứ sáu, trong tình hình mới, việc tăng cường và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội trở thành một đòi hỏi bức thiết nhằm thực hiện mục tiêu phát triển nhanh và bền vững, cần thay đổi căn bản nhận thức về vị trí, vai trò của cộng đồng, doanh nghiệp, khu vực tư nhân trong các trụ cột an sinh, giảm bớt gánh nặng bao cấp của Nhà nước. Cần có chính sách để xem xét, hỗ trợ Quỹ bảo hiểm xã hội tự nguyện để khuyến khích sự tham gia của nhóm lao động tự do, nông dân và các ngành nghề truyền thống□

Chú thích:

1, 2. Thực hiện tốt việc chăm lo sức khỏe, cuộc sống người có công. <https://dantri.com.vn>, ngày 05/01/2023.

3. Thực thi chính sách với thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng. <https://tuoitrebinhdinh.vn>, ngày 24/7/2023.

4. Chính sách xã hội nhìn từ Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI: (Bài 1) - Thành tựu 10 năm thực hiện các chính sách xã hội. <https://baovanhoa.com.vn>, ngày 02/10/2022.

5, 6. Bảo đảm an sinh xã hội cho người lao động và nhân dân. <https://nhandan.vn>, ngày 19/8/2023.

7, 8, 9, 11. Công tác an sinh xã hội được triển khai thiết thực, kịp thời, hiệu quả. <http://www.molisa.gov.vn>, ngày 14/01/2023.

10. Cục Bảo trợ xã hội tổng kết công tác năm 2022 và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2023. <http://laodongxahoi.net>, ngày 06/01/2023.

Tài liệu tham khảo:

1. Đỗ Văn Sinh. Hoàn thiện quản lý quỹ bảo hiểm xã hội ở Việt Nam. Luận án tiến sỹ kinh tế. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2005.

2. Dương Xuân Triệu. Hoàn thiện phương thức tổ chức, quản lý chi trả chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người tham gia bảo hiểm xã hội. Đề tài nghiên cứu khoa học của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, 1998.

3. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Giáo trình an sinh xã hội. H. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2008.